

VÚ MỠ

Mã hàng	NG(R)(V)(F)(D)				
Ví Dụ: NGC01AM060100: Vú Mỡ Thẳng Mạ Kẽm M6x1.0					
Loại ren (R)	Vật liệu (V)		Loại (F)		
C: Loại ren <i>UNC</i>	01: Thép mạ kẽm		A: Loại Hexagon Thẳng		
F: Loại ren <i>UNF</i>	02: Thép mạ niken		B: Loại Hexagon 45 Độ		
T: Loại ren <i>NPT</i>	03: Thép mạ vàng		C: Loại Hexagon 90 Độ		
P: Loại ren <i>BSP</i>	04: INOX 304		D: Loại Hexagon BUTTON		
N: Loại ren <i>BSP (BUTTON)</i>	05: INOX 316		E: Loại Square 45 Độ		
-	-		F: Loại Square 90 Độ		
Loại (F)	(D)	L1	L	SW	A
A	M6x1.0	5	13.5	7	-
A	M6x1.0	5.5	14.5	8	-
A	M8x1.0	6	16.5	10	-
A	M8x1.25	6	14	9	-
A	M10x1.0	6.5	17	11	-
A	M10x1.5	6.5	17	10	-
A	M12x1.5	7	19.5	12	-
A	M12x1.75	7	19.5	12	-
A	S1/8-27	6.5	17	11	-
A	G1/8-28	6.5	17	10	-
A	G1/4-19	8.5	21	14	-
A	S5/16-24	6	17	10	-
B	M6x1.0	5.5	21	9	10.5
B	M8x1.0	6	22	9	10.5
B	M8x1.25	6	22	9	10.5
B	M10x1.5	7	23	10	11.5
B	G1/8-28	6.5	23	10	-
B	G1/4-19	8	28	14	-
B	S5/16-24	6	22.5	10	-
B	S3/8-24	6	22.5	10	-
C	M6x1.0	5.5	17	9	13
C	M8x1.0	6	18	9	13
C	S1/4-28	5.5	19	9	-
C	G1/4	8	22	14	-
C	S5/16-24	6	22.5	10	-
D	G1/8-27	8	18	17	-
D	G1/8-28	8	18	17	-
D	G1/4-19	10	20	17	-
D	G3/8-19	11	21	17	-
D	G1/2-14	15	25	22	-
E	M6x1.0	5.5	20.5	9	10.5
E	M8x1.0	5.5	20.5	9	10.5
E	M8x1.25	5.5	20.5	9	10.5
E	M10x1.0	5.5	20.5	11	11
F	M6x1.0	5.5	18	9	14
F	M8x1.0	5.5	18	9	14
F	M8x1.25	5.5	18	9	14
F	M10x1.0	5.5	18	11	15

Hình vẽ

TYPE: Hexagon

A

B

C

D

TYPE: SQUARE

E

F

TYPE: SQUARE

